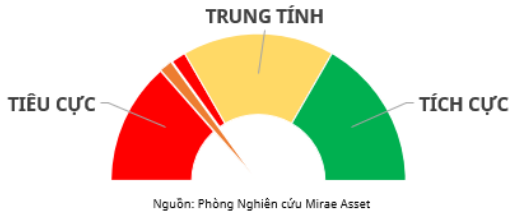


23 Tháng 08, 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,270.81	0.8	6.4	-2.2
HNX	299.14	1.5	3.6	-10.7
UPCOM	92.78	0.6	4.4	1.4
MSCI EM	991.90	-1.0	0.2	-19.8
NIKKEI	28,452.75	-1.2	1.9	3.5
HANG SENG	19,488.67	-0.9	-5.4	-22.4
KOSPI	2,435.34	-1.1	1.8	-21.2
FTSE	7,511.74	-0.3	3.2	5.7
S&P 500	4,137.99	-2.1	4.5	-7.6
NASDAQ	12,381.57	-2.5	4.6	-17.1

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	13.6	2.1	15.5
Indonesia	15.4	2.2	13.4
Philippines	17.1	1.6	10.1
Malaysia	16.9	1.5	8.6
Thailand	16.7	1.6	9.5

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.0	0	0	0
5 năm	3.1	5	36	222
10 năm	3.5	4	23	144

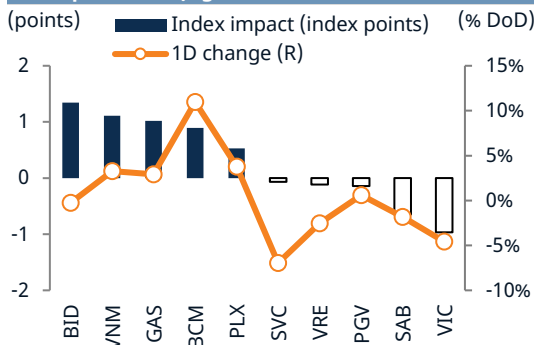
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,430	-0.1	-0.2	-2.6
US\$/KRW	1,345.7	-0.4	-2.4	-12.8
US\$/JPY	137.3	0.2	-0.4	-20.1
US\$/EUR	1.0	0.2	2.9	18.3
US\$/GBP	0.9	0.1	2.4	16.7
US\$/SGD	1.4	0.1	-0.7	-2.9

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	558	567	880
HNX	88	68	112
UPCOM	27	33	68

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Tăng trong ngõ ngách

Đón nhận thông tin đầy tiêu cực từ phiên giao dịch “đỏ lửa” của chứng khoán Mỹ vào rạng nay, VN-Index chịu áp lực khá lớn khi mở cửa phiên giao dịch giảm ngay 7 điểm. Tưởng như tiếp tục sẽ là một phiên giảm sâu trước áp lực từ thế giới, tuy nhiên thị trường liên tục dẫn dắt nhà đầu tư đi từ bất ngờ này sang bất ngờ khác. Xuyên suốt trong phiên, VN-Index giao dịch gần như ở vùng đỏ nhẹ quanh mốc tham chiếu và không giảm sâu hơn lúc mở cửa. Càng về cuối phiên, VN-Index đột ngột tăng tốc với hàng loạt cổ phiếu chuyển từ đỏ sang xanh kèm theo biên độ tăng điểm lớn và đóng cửa ở vùng giá cao nhất trong ngày. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng tốt với 10,4 điểm, tương đương với 0,8% và đóng cửa tại 1.270 điểm. Thanh khoản của 3 sàn lần lượt là HOSE: 14.056 tỷ đồng, HNX: 1.966 tỷ đồng, UPCOM: 986 tỷ đồng.

Nếu hôm qua toàn thị trường giảm đều, thì hôm nay là phiên đồng thuận tăng. Phiên giao dịch ghi nhận số mã tăng giá (308) áp đảo số mã giảm điểm (140). Nhóm Dầu khí tiếp tục dẫn sóng ngay đầu phiên, tuy nhiên đã bị các nhóm khác vượt qua vào cuối ngày. Với phiên tăng điểm tốt như hôm nay, nhóm Chứng khoán vượt trội nhất với CTS, SHS và VCI tăng từ 4,8% đến 6,7%, các cổ phiếu còn lại như SSI, HCM và VND cũng tăng tốt từ 2,5%-3%. Các nhóm còn lại như Bất động sản, Xây dựng, Thép cũng phục hồi tốt với biên độ giao động từ 1%-5%.

Khối ngoại hôm nay bán ròng nhẹ hơn 110 tỷ đồng. VHM, CTG, BSR và VIC bị bán ròng nhiều nhất với giá trị từ 38 tỷ đến 45 tỷ đồng.

Phiên giao dịch tăng điểm, tuy nhiên điểm số kỹ thuật không thay đổi. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức -4, thể hiện trạng thái TIÊU CỰC trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 13,6x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	4	KHẢ QUAN
Kospi	-7	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

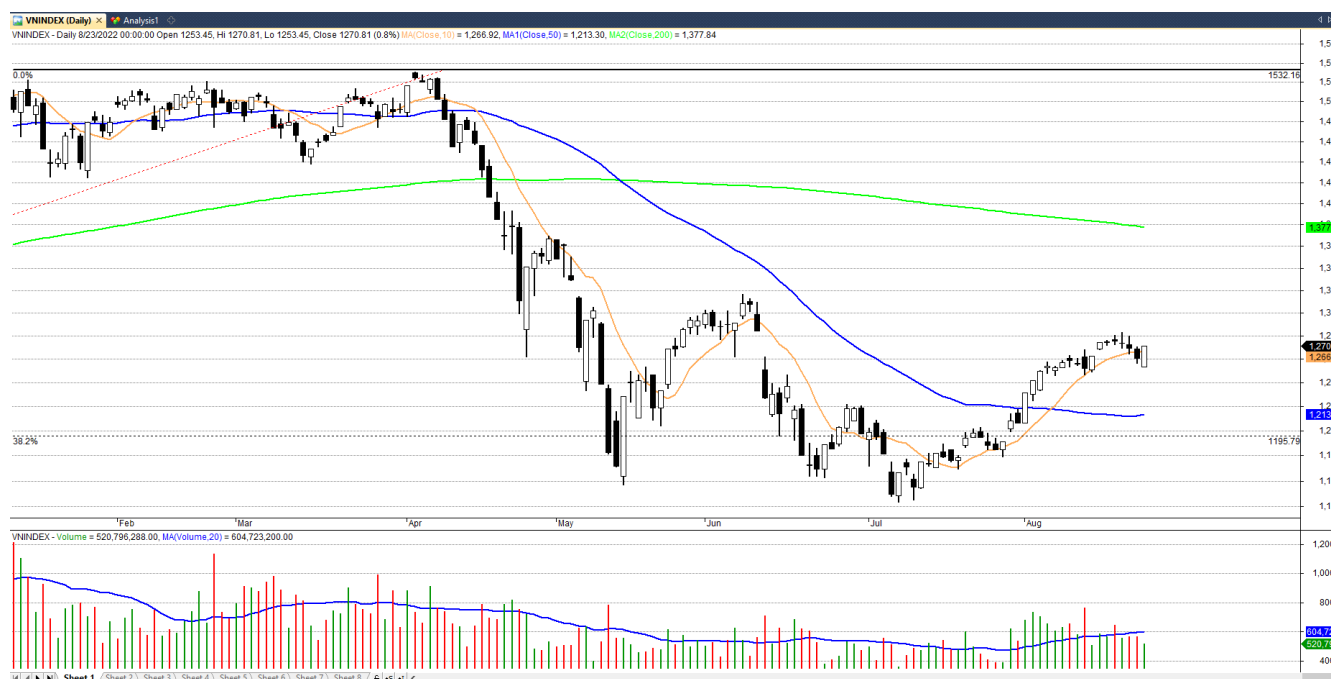
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (23/08/2022)	Kháng cự 1	1.285
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.320
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.230
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.200

Phục hồi tốt sau phiên giảm hôm qua, VN-Index đang nằm giữa 2 khoảng kháng cự và hỗ trợ ngắn hạn.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (23/08/2022)	1.283	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.350
VN30 - đóng cửa	1.292	Hỗ trợ 1	1.265
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-8,9	Hỗ trợ 2	1.200

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-2	TRUNG TÍNH

VN30F1M giao dịch trong vùng giảm điểm phần lớn thời gian trong ngày, chỉ tăng mạnh trong khoảng 20 phút cuối phiên. Vì thế điểm kỹ thuật intra-day chỉ dừng ở mức trung tính

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
CSV	Hóa chất	50,500	566,605	99	5	
PET	Bán lẻ	40,400	881,920	83	5	Top sức mạnh ngành
PVT	Vận tải Thủy	21,800	2,284,175	90	5	Top sức mạnh ngành
VCI	Chứng khoán	38,300	6,199,060	98	4	
HDC	Bất động sản	54,700	1,824,215	97	5	
FTS	Chứng khoán	38,500	1,247,760	88	5	
HCM	Chứng khoán	28,500	8,792,285	93	4	
BVS	Chứng khoán	24,900	445,030	84	5	
CTD	Xây dựng	72,500	835,590	78	7	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VNM	75.8	2,523,580	7	KHẢ QUAN	158,419	18.7	4.6	191
REE	84.5	1,246,675	7	KHẢ QUAN	30,032	12.8	2.1	105
CTD	72.5	835,590	7	KHẢ QUAN	5,355	#N/A N/A	0.7	61
PVS	27.8	8,507,895	5	KHẢ QUAN	13,287	24.9	1.1	237
MWG	66.9	3,088,930	5	KHẢ QUAN	97,922	19.5	4.4	207
PVD	20.65	8,726,220	5	KHẢ QUAN	11,479	#N/A N/A	0.8	180
FRT	89	1,818,640	5	KHẢ QUAN	10,544	17.8	5.7	162
VIX	15	9,954,210	5	KHẢ QUAN	8,238	8.4	1.0	149
HDC	54.7	1,824,215	5	KHẢ QUAN	5,912	17.8	3.7	100
ANV	53.3	1,425,155	5	KHẢ QUAN	6,776	13.9	2.4	76
PLX	44	1,413,865	5	KHẢ QUAN	55,906	85.6	2.4	62
GAS	117	531,645	5	KHẢ QUAN	223,932	17.5	3.8	62
IJC	24.3	2,210,100	5	KHẢ QUAN	5,275	10.8	1.4	54
PVT	21.8	2,284,175	5	KHẢ QUAN	7,056	10.9	1.3	50
FTS	38.5	1,247,760	5	KHẢ QUAN	7,386	9.6	2.3	48
TCM	48.6	902,310	5	KHẢ QUAN	3,983	31.4	2.2	44
APS	18.8	2,219,335	5	KHẢ QUAN	1,560	6.3	1.1	42
PET	40.4	881,920	5	KHẢ QUAN	3,629	14.3	2.0	36
HCM	28.5	8,792,285	4	KHẢ QUAN	13,031	11.3	1.7	251
VCI	38.3	6,199,060	4	KHẢ QUAN	16,680	11.0	2.3	237
DBC	28.4	6,661,825	4	KHẢ QUAN	6,873	25.1	1.5	189
DGW	72.2	678,910	4	KHẢ QUAN	11,774	16.0	5.5	49
IDC	64.2	2,543,075	3	TRUNG TÍNH	21,186	10.6	3.9	163
IDJ	17.2	2,255,745	3	TRUNG TÍNH	2,858	12.7	1.6	39
SBS	10.9	3,277,040	3	TRUNG TÍNH	1,381	182.3	6.4	36
VPB	31.2	13,815,615	2	TRUNG TÍNH	139,635	8.3	1.5	431

HAG	12.35	22,362,884	2	TRUNG TÍNH	11,453	16.2	2.6	276
SHB	15.7	14,326,620	2	TRUNG TÍNH	41,870	5.8	1.1	225
HDG	54.2	2,174,720	2	TRUNG TÍNH	13,258	9.5	2.7	118
VGC	67.6	1,289,440	2	TRUNG TÍNH	30,308	15.5	3.9	87
MSN	112.6	847,970	1	TRUNG TÍNH	160,311	15.7	5.5	95
BCG	16.2	5,545,810	1	TRUNG TÍNH	8,561	9.0	1.2	90
NKG	22.05	12,008,400	0	TRUNG TÍNH	5,805	3.2	0.9	265
BSR	25.3	9,755,630	0	TRUNG TÍNH	78,443	12.0	2.1	247
DGC	91.6	2,482,715	0	TRUNG TÍNH	34,006	7.4	3.8	227
HUT	29.3	4,191,395	0	TRUNG TÍNH	10,215	38.8	2.6	123
VHC	86.1	903,470	0	TRUNG TÍNH	15,789	7.7	2.2	78
SSI	25.4	21,604,610	-1	TRUNG TÍNH	37,824	9.5	1.9	549
MBB	23.2	9,033,810	-1	TRUNG TÍNH	105,188	6.7	1.6	210
KBC	36.95	7,039,265	-2	TRUNG TÍNH	28,363	11.3	1.7	260
NVL	82	3,033,395	-2	TRUNG TÍNH	159,886	49.7	4.3	249
CII	24.85	7,881,200	-2	TRUNG TÍNH	6,268	19.8	1.1	196
FPT	87	1,823,550	-2	TRUNG TÍNH	95,441	19.3	4.9	159
PDR	56.6	2,351,795	-2	TRUNG TÍNH	38,015	18.1	4.9	133
HNG	6.94	12,802,545	-2	TRUNG TÍNH	7,693	#N/A N/A	2.7	89
VIC	65	1,291,320	-2	TRUNG TÍNH	247,906	#N/A N/A	#N/A N/A	84
KDC	67	1,157,885	-2	TRUNG TÍNH	16,859	30.0	2.5	78
HDB	25.7	2,763,305	-2	TRUNG TÍNH	51,714	7.4	1.6	71
VPI	65.2	1,054,235	-2	TRUNG TÍNH	14,344	24.1	4.4	69
BVH	56.8	1,141,280	-2	TRUNG TÍNH	42,164	23.9	1.9	65
TNG	28	2,273,500	-2	TRUNG TÍNH	2,803	9.6	1.9	64
GMD	52.4	1,208,860	-2	TRUNG TÍNH	15,792	19.4	2.3	63
VOS	17.5	2,200,465	-2	TRUNG TÍNH	2,450	4.2	1.9	39
VND	22.75	24,199,380	-3	TRUNG TÍNH	27,706	5.7	1.9	551
HPG	23.65	33,321,804	-4	TIÊU CỰC	137,520	5.0	1.4	788
STB	25	13,282,150	-4	TIÊU CỰC	47,130	13.1	1.3	332
GEX	24.55	9,838,970	-4	TIÊU CỰC	20,904	28.9	1.7	242
HSG	21.5	11,033,330	-4	TIÊU CỰC	10,715	5.1	0.9	237
TCB	38.8	4,348,145	-4	TIÊU CỰC	136,223	6.7	1.3	169
CTG	28	4,616,695	-4	TIÊU CỰC	134,561	9.2	1.3	129
HBC	21.65	5,572,310	-4	TIÊU CỰC	5,318	53.1	1.4	121
LPB	15.8	6,269,050	-4	TIÊU CỰC	23,757	4.9	1.0	99
VCB	80.2	1,164,155	-4	TIÊU CỰC	379,548	#N/A N/A	#N/A N/A	93
ACB	24.8	3,277,310	-4	TIÊU CỰC	83,760	7.1	1.6	81
VJC	123.5	599,935	-4	TIÊU CỰC	66,889	177.7	3.8	74
BID	39.5	1,838,070	-4	TIÊU CỰC	199,812	15.4	2.2	73
ITA	8	8,481,405	-4	TIÊU CỰC	7,507	23.5	0.7	68
AAA	12.4	5,344,115	-4	TIÊU CỰC	4,740	13.4	0.8	66
TPB	28	2,170,025	-4	TIÊU CỰC	44,289	8.0	1.5	61
PNJ	114.5	530,300	-4	TIÊU CỰC	27,751	19.2	3.5	61
SZC	53.8	1,080,465	-4	TIÊU CỰC	5,380	23.6	3.7	58
PHR	67.6	665,770	-4	TIÊU CỰC	9,160	13.8	2.8	45
MBS	20.6	2,179,675	-4	TIÊU CỰC	7,371	10.8	2.0	45
SBT	17.95	2,120,835	-4	TIÊU CỰC	11,513	13.2	1.3	38

GEG	22.15	1,652,680	-4	TIÊU CỰC	7,131	22.8	2.0	37
DIG	40	8,238,925	-6	TIÊU CỰC	24,394	22.7	3.2	330
DXG	28.6	10,079,170	-6	TIÊU CỰC	17,375	23.4	1.9	288
SHS	14.3	15,557,650	-6	TIÊU CỰC	11,628	11.5	1.2	222
CEO	33.8	6,491,955	-6	TIÊU CỰC	8,698	34.9	2.9	219
POW	13.9	12,615,020	-6	TIÊU CỰC	32,552	20.6	1.1	175
VHM	59.5	2,315,920	-6	TIÊU CỰC	259,085	9.2	2.2	138
DCM	31.45	3,855,550	-6	TIÊU CỰC	16,650	4.5	1.7	121
DPM	46.25	2,391,355	-6	TIÊU CỰC	18,099	3.2	1.4	111
VCG	22.6	4,311,570	-6	TIÊU CỰC	10,981	9.9	1.5	97
NLG	43.65	2,022,790	-6	TIÊU CỰC	16,715	22.2	1.9	88
HAH	64.4	1,345,770	-6	TIÊU CỰC	4,398	7.0	2.3	87
SCR	12.1	5,446,940	-6	TIÊU CỰC	4,433	33.7	0.9	66
PC1	39	1,631,390	-6	TIÊU CỰC	9,171	18.8	1.9	64
IDI	20	3,143,080	-6	TIÊU CỰC	4,553	8.8	1.3	63
VIB	25.2	2,221,825	-6	TIÊU CỰC	53,113	7.4	1.9	56
LCG	11.6	4,764,835	-6	TIÊU CỰC	2,200	11.7	0.9	55
TCH	12.05	4,266,625	-6	TIÊU CỰC	8,052	17.9	0.9	51
ASM	15.7	3,252,930	-6	TIÊU CỰC	5,283	6.3	1.0	51
VRE	28.85	1,686,500	-6	TIÊU CỰC	65,556	50.6	2.1	49
LDG	10.9	4,454,450	-6	TIÊU CỰC	2,610	18.3	0.8	49
DPG	46.9	952,600	-6	TIÊU CỰC	2,955	8.0	2.0	45
HQC	5.1	8,731,695	-6	TIÊU CỰC	2,431	299.5	0.6	45
FCN	15.6	2,782,875	-6	TIÊU CỰC	2,456	80.0	0.9	43
GVR	23.95	1,723,140	-6	TIÊU CỰC	95,800	20.4	2.0	41
KSB	28.2	1,456,760	-6	TIÊU CỰC	2,152	11.1	1.1	41

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Thông tin cập nhật

Citigroup: Lạm phát tại Anh có thể vượt 18%

Lạm phát tại Anh có thể vượt ngưỡng 18% lần đầu tiên sau hơn nửa thế kỷ do giá năng lượng tăng cao, theo ngân hàng đầu tư Citigroup. Dựa vào dự báo mức giá trần bán lẻ năng lượng tại Anh có thể tăng lên ngưỡng gần 6.000 bảng trong tháng 4/2023 từ mức 1.971 bảng ở thời điểm hiện tại, Chuyên gia kinh tế Benjamin Nabarro của Citi nhận định lạm phát tại quốc gia này có thể chạm đỉnh 18,6% trong tháng 1 năm sau. Lần gần nhất lạm phát tại Anh cao hơn ngưỡng 18,6% là vào năm 1976, thời điểm kinh tế toàn cầu rơi vào khủng hoảng sau cú sốc cung dầu, buộc Anh phải xin trợ cấp từ Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF). Trước đó, Goldman Sachs và EY cũng đưa ra dự báo lạm phát tại Anh sẽ chạm ngưỡng 15% vào đầu năm 2023, trong khi đó, BoE dự báo lạm phát sẽ đạt đỉnh ở ngưỡng 13% vào cuối năm nay đồng thời cảnh báo về một giai đoạn suy thoái kéo dài. Trong tháng 7, lạm phát tại Anh tiếp tục lập đỉnh hơn 40 năm ở ngưỡng 10,1%, đứng đầu các quốc gia trong nhóm G7. Kinh tế Anh đứng trước rủi ro suy thoái lớn nhưng BoE buộc phải tiếp tục siết chặt chính sách tiền tệ nhằm sớm "hạ nhiệt" lạm phát, Nabarro nhận định. Lạm phát cao kéo giảm thu nhập và điều kiện sống của một bộ phận không nhỏ người dân Anh. Citi dự báo nếu như xuất hiện thêm các dấu hiệu cho thấy lạm phát trở nên cố kết, BoE có thể sẽ phải tăng lãi suất lên ngưỡng 6-7%. Hiện tại, lãi suất neo ở ngưỡng 1,75%.

Kim ngạch xuất khẩu cả năm ước đạt khoảng 368 tỷ USD, tăng hơn 9%.

Dựa trên kết quả sơ bộ 6 tháng đầu năm, Bộ Công Thương dự báo kim ngạch xuất khẩu cả năm 2022 ước đạt khoảng 368 tỷ USD, tăng khoảng 9,46% so với năm 2021. Trong báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022, dự kiến kế hoạch năm 2023 ngành Công Thương vừa được Bộ Công Thương gửi Bộ Kế hoạch & Đầu tư cho biết, 6 tháng đầu năm, kim ngạch xuất nhập khẩu tiếp tục tăng cao với tổng kim ngạch đạt hơn 371,3 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước, đạt hơn 186 tỷ USD. Xuất khẩu khu vực kinh tế trong nước tăng 19,5%, mức tăng này cao hơn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (khu vực FDI kể cả dầu thô tăng 16,6%) cho thấy sự nỗ lực của các doanh nghiệp trong nước trong việc khôi phục sản xuất, kinh doanh, nối lại chuỗi cung ứng trong điều kiện còn nhiều khó khăn. Trong 6 tháng đầu năm có 29 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, tăng 4 mặt hàng so với cùng kỳ, chiếm 91,2% tổng kim ngạch xuất khẩu. Các doanh nghiệp đã tận dụng tốt các Hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt các FTA thế hệ mới để thúc đẩy xuất khẩu. Cụ thể, 6 tháng đầu năm 2022, việc cấp C/O mẫu CPTPP đạt 1,32 tỷ USD, tăng 22,1% so với cùng kỳ; cấp C/O mẫu EUR.1 sang EU đạt 5,84 tỷ USD, tăng 32,1% so với cùng kỳ.... Cán cân thương mại tiếp tục duy trì xuất siêu 743 triệu USD, góp phần làm tích cực cho cán cân thanh toán, ổn định tỷ giá và ổn định các chỉ số kinh tế vĩ mô khác của nền kinh tế. Tuy nhiên, kết quả xuất nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2022 tích cực là cơ sở để ngành Công Thương phấn đấu đạt và vượt mục tiêu đề ra cho xuất khẩu của cả năm 2022. Nửa cuối năm 2022, nhu cầu đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng cao theo chu kỳ xuất nhập khẩu hàng hóa và hiệu quả từ các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP ngày càng được thực thi toàn diện và hiệu quả hơn. Dự báo, hoạt động xuất nhập khẩu sẽ tiếp tục khởi sắc. Trên cơ sở con số sơ bộ xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm, Bộ Công Thương nhận định, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả năm 2022 ước đạt khoảng 368 tỷ USD, tăng khoảng 9,46% so với năm 2021, vượt mục tiêu Chính phủ giao (khoảng 8%) và vượt mục tiêu Kế hoạch đề ra của Bộ Công Thương tại Quyết định số 60/2022 (8,1%) và nhập khẩu đạt khoảng 367 tỷ USD. Về cán cân thương mại, dự kiến năm 2022 xuất siêu khoảng 1 tỷ USD, đạt mục tiêu kế hoạch.

PNJ: báo lãi 7 tháng tăng 66% so với cùng kỳ

CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HoSE: PNJ) vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 7 với 2.511 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 413,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế đạt 79 tỷ đồng, cùng kỳ năm 2021 công ty lỗ 32 tỷ đồng. Kết quả kinh doanh của PNJ tăng mạnh so với cùng kỳ 2021 là cao điểm dịch Covid-19 ở các tỉnh phía Nam, tuy nhiên lợi nhuận giảm dần trong những tháng gần đây. Theo chia sẻ của lãnh đạo PNJ, trong tháng 7 áp lực lạm phát đã ảnh hưởng đến nhiều nền kinh tế lớn của thế giới do bất ổn địa chính trị và chính sách Zero Covid của Trung Quốc. Tại Việt Nam, tuy lạm phát chưa có ảnh hưởng rõ rệt đến kinh tế nhưng sức mua của ngành bán lẻ có chững lại. Lũy kế 7 tháng, doanh thu thuần của PNJ đạt 20.721 tỷ đồng tăng 71% so với 7 tháng năm 2021. Tổng chi phí hoạt động tăng 54,6% so với cùng kỳ, tỷ lệ chi phí hoạt động trên lợi nhuận gộp đạt 56,6%, giảm so với mức 58,5% cùng kỳ 2021, cải thiện nhờ tối ưu hóa vận hành bằng các ứng dụng công nghệ vào bán hàng, quản lý. Biên lợi nhuận gộp trung bình 7 tháng là 17,4%, giảm so với mức 18,6% cùng kỳ do sự thay đổi cơ cấu hàng bán của kênh bán lẻ. Kết quả, công ty thu về 1.167 tỷ đồng, tăng 66,1%. Như vậy sau 7 tháng đơn vị đã hoàn thành 80,2% kế hoạch doanh thu và 88,4% chỉ tiêu lợi nhuận năm. Xét về cơ cấu doanh thu, doanh thu mảng bán lẻ 7 tháng qua tăng 77,8% so với cùng kỳ đến từ sự tăng trưởng ở các nhãn hàng và sự đóng góp doanh thu từ các cửa hàng mới cùng với hoạt động kích cầu thông qua chương trình marketing/push sales. Doanh thu sỉ tăng 49,9% so với 7 tháng 2021 nhờ vào việc chào bán sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường và thị hiếu của khách hàng. Còn doanh thu vàng 24K tăng 76,1% do nhu cầu khách hàng trong bối cảnh áp lực lạm phát cao. Trong 7 tháng qua, hệ thống công ty đã mở mới 19 cửa hàng và nâng cấp 11 cửa hàng PNJ Gold, mở mới 2 cửa hàng PNJ Style đồng thời đóng 6 cửa hàng PNJ Gold và 6 cửa hàng PNJ Silver.

HBC: rút gần 110 tỷ đồng đầu tư dự án tại Canada và Australia

Nghị quyết HĐQT Xây dựng Hòa Bình (HoSE: HBC) vừa thông qua chủ trương đầu tư hai dự án tại nước ngoài. Cụ thể, công ty sẽ đầu tư 4 triệu CAD (khoảng 72 tỷ đồng) vào dự án 88 James tại Canada do Elite Developments Group làm chủ đầu tư. Dự án thứ hai là Regent Street tại Australia với vốn đầu tư 2 triệu đô la Canada (khoảng 36 tỷ đồng). Đây là dự án do Brightlands Property Fund & Freedom Development Group làm chủ đầu tư. Tại cuộc gặp mặt nhà đầu tư mới đây, ông David Martin Ruiz, Giám đốc Xây dựng thị trường nước ngoài của Hòa Bình cho biết 4 thị trường công ty hướng đến là Canada, Australia, Mỹ, châu Âu. Các thị trường này có môi trường kinh doanh tốt, tốc độ tăng trưởng nhà ở cao và đặc biệt, giá xây dựng rất cao. Ông David Martin Ruiz kỳ vọng giá xây dựng cao sẽ giúp tăng doanh thu và lợi nhuận từ nước ngoài sẽ đóng góp lớn hơn cho Hòa Bình. Ông lấy ví dụ nếu so sánh cùng một tòa nhà xây dựng ở Việt Nam với một tòa nhà ở Australia, doanh thu của Hòa Bình sẽ tăng gấp 7-8 lần và lợi nhuận đạt được cao gấp 15-20 lần. Để đầu tư ở một quốc gia mới, Hòa Bình dự kiến triển khai 3 hướng: Một là không đầu tư vào dự án. Hai là tham gia với tư cách là nhà đồng phát triển dự án, cuối cùng là mua lại công ty xây dựng đang hoạt động ở địa phương. Ông David Martin Ruiz nhấn mạnh Hòa Bình sẽ ưu tiên tập trung vào giải pháp 2 và 3. Về giải pháp tham gia phát triển dự án với tư cách nhà đồng phát triển, Hòa Bình đã xác định hơn 20 dự án khả thi, trong đó 10 dự án có tiềm năng trung bình hoặc cao với doanh thu khoảng 350 triệu USD. Đại diện Hòa Bình cho biết 2 dự án sẽ được chốt vào quý III năm nay gồm một dự án tại Brisbane, Australia và một dự án tại Ontario, Canada với tổng giá trị khoảng 60 triệu USD. Dự kiến, Hòa Bình sẽ triển khai các dự án này từ quý II/2023. Nguyên tắc của Hòa Bình là đầu tư vào dự án với tỷ lệ không quá 20%. Ông David Martin Ruiz cho rằng nếu góp một phần vốn chủ sở hữu với chủ đầu tư, chắc chắn họ sẽ lựa chọn Hòa Bình làm nhà thầu dự án.

GMC: trả cổ tức năm 2021 tỷ lệ 50%

CTCP Garmex Sài Gòn (HoSE: GMC) thông báo ngày 15/9 là ngày chốt danh sách cổ đông trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền mặt tỷ lệ 30%, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 3.000 đồng. Với số lượng cổ phiếu lưu hành 32,5 triệu đơn vị, doanh nghiệp dự kiến thanh toán cho cổ đông 97,5 tỷ đồng, ngày thanh toán dự kiến là 29/9. Trước

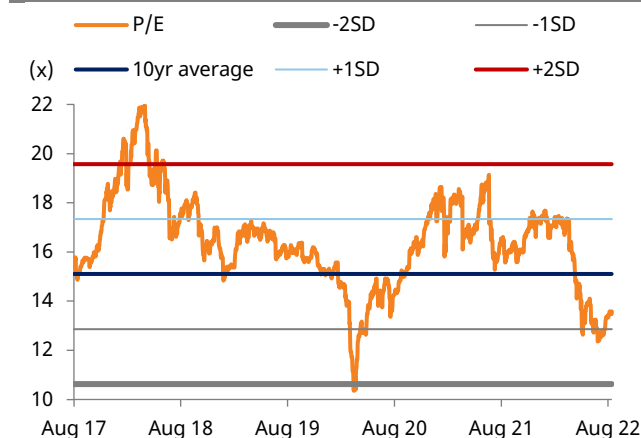
đó, công ty đã chi trả cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt tỷ lệ 20%. Với đợt thanh toán này, công ty hoàn thành việc chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2021, tổng tỷ lệ 50% bằng tiền mặt. Đây là lần đầu tiên công ty trả mức cổ tức tỷ lệ 50%. Mức cổ tức cao nhất trước đó là 30%.

BSR: Lợi nhuận 6 tháng của Bình Sơn tăng hơn 200 tỷ đồng sau soát xét

Lọc Hóa dầu Bình Sơn (UPCoM: BSR) vừa công bố báo cáo tài chính soát xét 6 tháng với khoản lãi ròng tăng 1,8% lên 12.473 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 223 tỷ đồng nhờ giá vốn hàng bán cùng một số chi phí giảm. Cụ thể, giá vốn hàng bán của Bình Sơn đã giảm 0,3% sau soát xét còn 13.509 tỷ đồng giúp lợi nhuận gộp tăng 1,7% lên 13.509 tỷ đồng. Doanh thu tài chính sau kiểm toán đạt 670,2 tỷ đồng, tăng 3,4%. Chi phí tài chính giảm từ 444,1 tỷ đồng còn 443,9 tỷ đồng. So với năm 2021, doanh thu của Bình Sơn 6 tháng tăng 78,2%, còn lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ gấp 3,5 lần cùng kỳ. Năm nay, cổ đông thông qua kế hoạch với tổng doanh thu hợp nhất 91.678 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 1.295 tỷ đồng; lần lượt giảm 10% và 81% so với thực hiện 2021. Như vậy, sau 6 tháng, lợi nhuận công ty đã gấp 9,6 lần kế hoạch năm. Về kết quả kinh doanh tăng mạnh trong nửa đầu năm, ông Bùi Ngọc Dương, Tổng giám đốc Lọc hóa dầu Bình Sơn chia sẻ rằng công ty đã đặt hàng dầu thô nguyên liệu ít nhất trước 2 tháng cho kế hoạch sản xuất. Do vậy, khi giá dầu tăng, giá dầu thành phẩm sẽ tăng hỗ trợ doanh thu và lợi nhuận. Khi giá giảm, doanh nghiệp gặp rủi ro giảm giá hàng tồn kho và phải dự phòng làm giảm lợi nhuận. Vì vậy, doanh nghiệp phải kiểm soát hàng tồn kho rất “khéo”, đưa ra nhiều kế hoạch mua hàng khác nhau để đảm bảo tối ưu. Ông Dương cho biết thêm diễn biến thị trường tương đối thuận lợi trong 6 tháng đầu năm, giá dầu tăng cao so với dự báo, chênh lệch giá giữa sản phẩm và dầu thô được các tổ chức ấn định cao. Điều này giúp lợi nhuận đạt đỉnh.

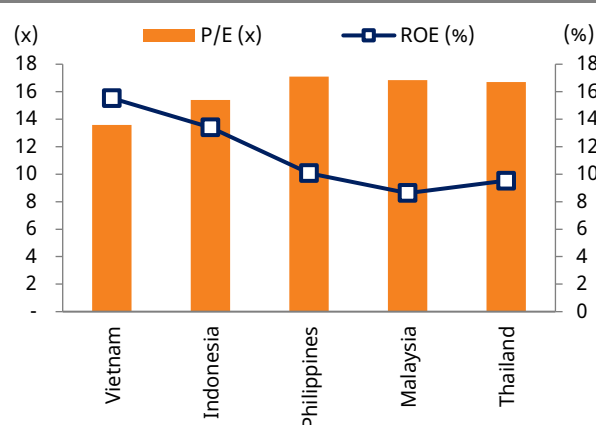
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ 2. VN Index: Định giá P/E lịch sử



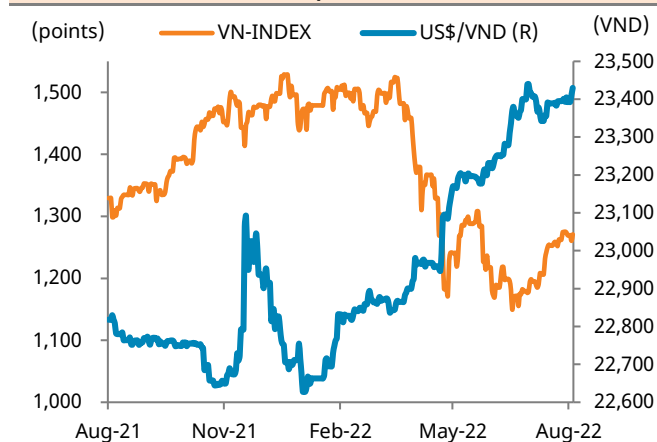
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. Định giá P/E và ROE các thị trường



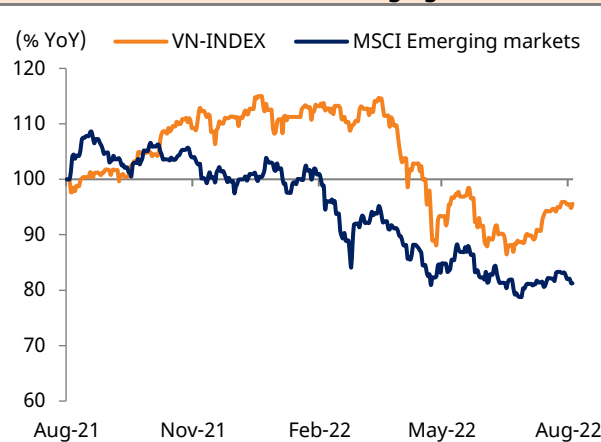
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. VN-Index và USD/VND



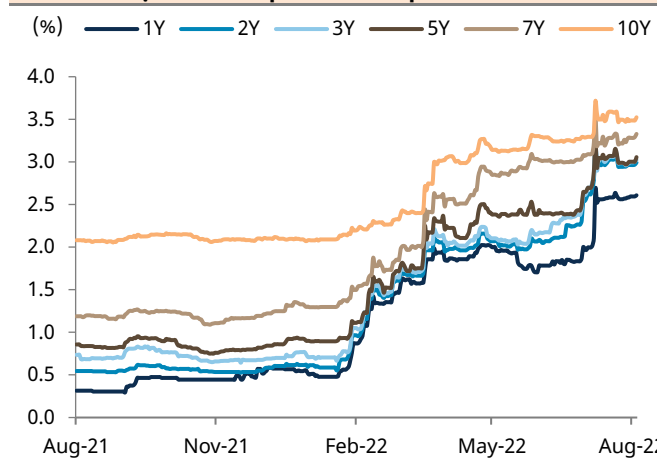
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. VN Index và MSCI Emerging Markets



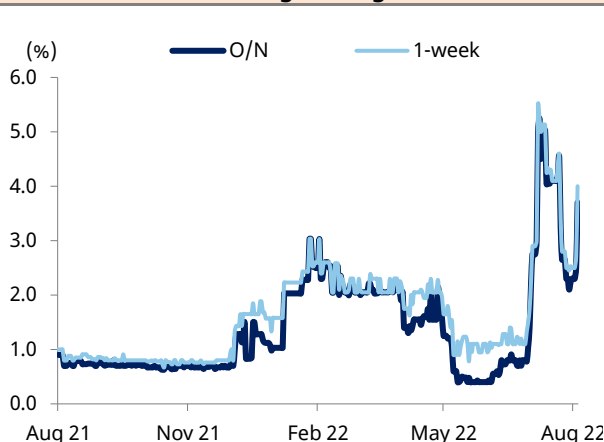
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	VN-Index	1,270.81	5,012,069		0.8	-0.3	6.4	-2.2	14.7	12.2	2.2	2.0	35.3	19.9	15.5	19.6
VN30 Index	VN30	1,292.00	3,478,994		0.5	-0.2	5.1	-8.5	12.1	10.5	2.3	1.9	38.5	15.3	19.6	21.9
Asia Commercial Bank	ACB VN	24,800	83,760	30.0	0.6	-0.2	1.8	-3.1	8.9	6.7	1.9	1.5	24.6	31.9	23.5	24.8
BIDV	BID VN	39,500	199,812	16.9	2.7	-2.5	11.3	26.4	22.8	15.1	2.4	2.0	50.3	51.8	11.0	16.3
Bao Viet Holdings	BVH VN	56,800	42,164	26.6	-0.4	-1.2	0.9	9.2	22.2	17.7	2.0	1.8	21.8	25.3	9.2	9.0
VietinBank	CTG VN	28,000	134,561	26.9	0.0	-4.1	4.1	-14.4	9.6	7.2	1.4	1.2	18.2	32.8	15.8	18.1
FPT Corp	FPT VN	87,000	95,441	49.0	0.2	-1.9	2.2	14.7	24.0	18.0	5.3	4.6	21.5	33.6	23.4	26.7
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	117,000	223,932	3.0	1.8	3.1	8.5	36.4	26.9	16.0	4.4	3.8	8.1	68.2	16.8	24.5
Vietnam Rubber Group	GVR VN	23,950	95,800	0.5	1.3	-3.4	1.9	-30.0	23.0	19.6	2.0	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	25,700	51,714	18.0	1.0	-2.5	8.0	-4.4	8.5	7.2	1.8	1.4	42.5	18.1	23.3	22.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	23,650	137,520	20.6	1.3	-3.7	6.5	-35.3	4.3	5.2	1.5	1.2	151.5	-17.1	42.8	27.1
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	37,700	27,024	32.0	0.0	-3.0	3.3	9.1	23.2	18.9	2.6	2.3	3.1	22.8	12.2	12.8
MBBank	MBB VN	23,200	105,188	19.4	0.4	2.2	9.0	-2.7	8.3	6.9	1.8	1.4	53.0	19.5	23.6	23.7
Masan Group Corp	MSN VN	112,600	160,311	28.8	0.7	3.3	3.8	6.4	18.6	26.3	4.9	4.1	589.7	-29.3	35.1	17.4
Mobile World Investment Corp	MWG VN	66,900	97,922	49.0	0.6	1.4	3.7	26.9	19.4	15.8	4.7	3.3	18.2	22.7	27.3	25.6
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	82,000	159,886	5.8	0.2	-1.2	11.0	2.4	45.1	31.0	4.5	4.0	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	56,600	38,015	2.6	0.9	3.9	8.4	-6.1	21.1	#N/A	5.4	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	44,000	55,906	17.6	3.9	1.7	5.3	-9.3	24.6	22.1	2.2	2.2	160.6	11.6	9.7	10.3
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	25,200	53,113	20.5	0.8	-4.5	-3.8	-5.5	8.4	6.4	2.2	1.6	39.0	31.1	29.9	28.2
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,900	32,552	2.5	1.8	-1.4	5.7	31.8	18.4	18.0	1.1	1.0	-24.2	1.9	6.2	6.1
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	190,000	121,843	62.8	-2.1	1.1	14.5	35.7	34.5	26.3	5.7	5.1	-22.9	31.1	17.1	20.9
SSI Securities Corp	SSI VN	25,400	37,824	25.0	2.8	3.3	21.5	-35.5	10.4	10.1	1.9	1.5	100.3	3.6	21.0	19.1
Sacombank	STB VN	25,000	47,130	23.0	1.2	-2.2	8.7	-7.4	15.3	12.5	1.4	1.2	30.6	23.1	9.5	11.5
Techcombank	TCB VN	38,800	136,223	22.5	0.3	-0.5	4.6	-20.4	7.6	6.3	1.5	1.2	46.1	20.5	21.7	20.9
Tien Phong Bank	TPB VN	28,000	44,289	30.0	0.4	-2.9	-0.2	11.8	8.7	7.1	1.7	1.4	28.5	22.6	22.6	21.6
Vietcombank	VCB VN	80,200	379,548	23.6	0.3	-1.6	10.6	5.2	19.1	14.1	3.5	2.7	19.7	35.5	19.6	21.4
Vinhomes JSC	VHM VN	59,500	259,085	23.2	0.2	-2.9	1.4	-27.8	6.6	8.3	2.1	1.7	40.9	-20.5	36.9	21.6
Vingroup JSC	VIC VN	65,000	247,906	12.3	-1.5	-1.4	-2.3	-32.4	#N/A	264.2	2.4	2.4	-145.6	135.9	-2.8	8.4
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	123,500	66,889	16.7	-0.3	0.1	-1.7	2.7	888.5	44.2	4.0	#N/A	6.1	1,911.5	0.5	8.5
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	75,800	158,419	54.5	2.8	5.6	5.3	-11.9	16.8	17.8	4.8	4.6	-5.3	-5.8	29.3	27.6
VPBank	VPB VN	31,200	139,635	17.5	-0.2	3.5	10.8	-7.3	11.8	7.1	1.8	1.4	11.6	65.5	17.9	21.4
Vincom Retail JSC	VRE VN	28,850	65,556	32.2	-0.7	-1.5	11.0	10.7	49.9	28.7	2.1	2.0	-44.8	74.1	4.4	8.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.